

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CAO LÃNH
TỈNH ĐỒNG THÁP**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 54/2020/HNGĐ-ST

Ngày: 06/8/2020

*“V/v tranh chấp HNGĐ – Xin ly
hôn, nuôi con, chia tài sản và nợ”*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CAO LÃNH, TỈNH ĐỒNG THÁP

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Huỳnh Trung Dũng

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Hồ Thị Mai Hương,

2. Ông Phạm Phước Tâm.

- Thư ký phiên toà: Bà Nguyễn Thị Thanh Hòa - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp.

Trong ngày 06 tháng 8 năm 2020, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số: 327/2020/TLST-HNGĐ ngày 22 tháng 6 năm 2020 về việc: *“Tranh chấp HNGĐ - Xin ly hôn, nuôi con, chia tài sản và nợ”* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 152/2020/QĐXX - ST ngày 20 tháng 7 năm 2020 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị **Hồ Thị Th**, sinh năm 1990.

HKTT: Ấp A, xã B, huyện Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp.

Chỗ ở hiện nay: Huyện Phước Kiển, quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh.

2. Bị đơn: Anh **Bùi Thanh T**, sinh năm 1987.

Địa chỉ: Ấp A, xã B, huyện Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp.

(Nguyên đơn và bị đơn vắng mặt tại phiên toà)

NỘI DUNG VỤ ÁN

*** Theo đơn khởi kiện nguyên đơn chị Hồ Thị Th trình bày:**

- Về quan hệ hôn nhân: Chị Th và anh T chung sống với nhau vào năm 2004, vợ chồng không có đăng ký kết hôn. Vợ chồng chung sống với nhau lúc đầu hạnh phúc, thời gian sau vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, nhiều lần vợ chồng tìm cách để hàn gắn nhưng không thành.

Nay chị Hồ Thị Th yêu cầu Tòa²án nhân dân huyện Cao Lãnh giải quyết cho chị được ly hôn với anh Bùi Thanh T.

- Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung tên Bùi Nhựt P, sinh ngày 25/11/2005; Bùi Minh T, sinh ngày 27/12/2016. Hiện con chung đang sống với anh T. Khi ly hôn, chị Th yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng con chung tên Bùi Minh T, chị Th đồng ý giao con chung Bùi Nhựt P cho anh T nuôi dưỡng, chị Th không cấp dưỡng nuôi con và cũng không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Vợ chồng không có nợ ai và cũng không cho ai nợ.

* Theo ý kiến tại văn bản ngày 25/6/2020 anh Bùi Thanh T trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Anh thừa nhận lời trình bày của chị Th về việc hai người kết hôn năm 2004, không có đăng ký kết hôn. Trong quá trình chung sống, vợ chồng có xảy ra mâu thuẫn như lời trình bày của chị Th. Nay tình cảm vợ chồng không còn nên anh đồng ý ly hôn theo yêu cầu của chị Hồ Thị Th.

- Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung tên Bùi Nhựt P, sinh ngày 25/11/2005; Bùi Minh T, sinh ngày 27/12/2016. Hiện con chung đang sống với anh T. Khi ly hôn, anh T yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng con chung tên Bùi Nhựt P, anh T đồng ý giao con chung Bùi Minh T cho chị Th nuôi dưỡng, anh T không cấp dưỡng nuôi con và cũng không yêu cầu chị Th cấp dưỡng nuôi con chung.

- Về tài sản chung: Không có.

- Về nợ chung: Không có.

* Tài liệu chứng cứ trong hồ sơ do đương sự cung cấp gồm:

- 1) Giấy CMND, sổ hộ khẩu (bản photo), trích lục khai sinh (bản sao);
- 2) Trích lục khai sinh (bản sao);
- 3) Văn bản ý kiến của anh Bùi Thanh T ngày 25/6/2020 (bản chính);
- 4) Đơn xin xét xử vắng mặt ngày 21/7/20120 (bản chính);

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

- Về tố tụng: Chị Hồ Thị Th và anh Bùi Thanh T đã được triệu tập hợp lệ, đã nhận Quyết định đưa vụ án ra xét xử nhưng chị Th, anh T vắng mặt và có đơn xin xét xử vắng mặt. Do vậy, căn cứ Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt đối với chị Hồ Thị Th và anh Bùi Thanh T.

- Về hôn nhân: Xét thấy, chị Hồ Thị Th và anh Bùi Thanh T tìm hiểu và tự nguyện chung sống với nhau vào năm 2004, mặc dù việc sống chung của anh chị đều được hai bên gia đình thừa nhận, nhưng chị Th và anh T không đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật để được công nhận là vợ chồng. Bởi lẽ, tại khoản 1 Điều 14 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014 quy định “ 1. Nam, nữ có đủ

điều kiện kết hôn theo quy định của³Luật này chung sống với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn thì không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ và chồng....”; và khoản 2 Điều 53 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014 cũng quy định: “Trong trường hợp không đăng ký kết hôn mà có yêu cầu ly hôn thì Tòa án thụ lý và tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng theo quy định tại khoản 1 điều 14 của Luật này....”. Do chị Th và anh T không đăng ký kết hôn nên khi chị Th xin ly hôn Hội đồng xét xử không tiến hành hòa giải quan hệ hôn nhân giữa hai người. Vì vậy, Hội đồng xét xử không công nhận chị Hồ Thị Th và anh Bùi Thanh T là vợ chồng do không đăng ký kết hôn.

- Về con chung: Quá trình chung sống chị Hồ Thị Th và anh Bùi Thanh T có 02 con chung tên Bùi Nhựt P, sinh ngày 25/11/2005; Bùi Minh T, sinh ngày 27/12/2016; Xét thấy đối với con chung tên Bùi Nhựt P có nguyện vọng sống với anh T; chị Th có văn bản ý kiến đồng ý để anh T nuôi dưỡng con chung tên Bùi Nhựt P, sinh ngày 25/11/2005; chị Th yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng con chung tên Bùi Minh T; điều này phù hợp với yêu cầu của chị Th và ý kiến anh T nên chấp nhận con chung tên Bùi Minh T, sinh ngày 27/12/2016 do chị Th được tiếp tục nuôi dưỡng, con chung tên Bùi Nhựt P, sinh ngày 25/11/2005 do anh T được tiếp tục nuôi dưỡng; chị Th, anh T không phải cấp dưỡng nuôi con chung lẫn nhau do chị Th và anh T không yêu cầu.

Chị Th, anh T có quyền và nghĩa vụ đến thăm nom, chăm sóc, giáo dục các con chung không ai được quyền ngăn cản.

- Về tài sản chung: Chị Th, anh T thống nhất không có nên Hội đồng xét xử không xem xét.

- Về nợ chung: Chị Th và anh T thống nhất không có nợ chung của ai cũng không cho ai mượn nợ.

- Án phí: Chị Hồ Thị Th phải chịu án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định tại Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý, sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

* Căn cứ vào khoản 1 Điều 14, khoản 2 Điều 53 khoản 1 Điều 56, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 35, 39, 147, 228 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý, sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Hồ Thị Th

1. Về hôn nhân: Không công nhận chị Hồ Thị Th và anh Bùi Thanh T là vợ chồng.

2. Về con chung: Chấp nhận yêu cầu của chị Th được tiếp tục nuôi dưỡng con chung tên Bùi Minh T, sinh ngày 27/12/2016; anh T được tiếp tục nuôi dưỡng con chung tên Bùi Nhựt P, sinh ngày 25/11/2005. Về cấp dưỡng: chị Th,

anh T không phải cấp dưỡng nuôi con chung lẫn nhau do chị Th, anh T đều không yêu cầu.

Chị Th, anh T có quyền và nghĩa vụ đến thăm nom, chăm sóc, giáo dục các con chung không ai được quyền ngăn cản.

3. Về tài sản chung: Không có.

4. Về nợ chung: Không có.

5. Về án phí: Chị Hồ Thị Th phải chịu 300.000 đồng tiền án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0003826 ngày 19 tháng 6 năm 2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cao Lãnh.

Trong hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hoặc niêm yết hợp lệ chị Th, anh T được quyền làm đơn kháng cáo lên Toà án nhân dân tỉnh Đồng Tháp.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKS HCL;
- Tòa án tỉnh.
- Lưu

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Huỳnh Trung Dũng